

Chuyện Trạng tuổi Mùi (VDC/AN -17/1/2003)

Vị trạng nguyên cuối cùng trong lịch sử khoa cử nước ta là một người tuổi Mùi, sinh năm 1703 (Quý Mùi), đỗ vào đời Lê Y' Tông, lúc 33 tuổi (1736). Đó là Trịnh Tuệ, người xã Bất Quần, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa từng tập hợp bàn dân thiên hạ để "được" họ chất vấn, khảo nghiệm thử tài của ông. "Người tuổi Mùi" đã giải đáp rành rọt những câu "khảo hạch" giữa đám đông và an nhiên làm quan đến Hình bộ Thượng thư.



Vị trạng nguyên cuối cùng trong lịch sử khoa cử nước ta là một người tuổi Mùi, sinh năm 1703 (Quý Mùi), đỗ vào đời Lê Y' Tông, lúc 33 tuổi (1736). Đó là Trịnh Tuệ, người xã Bất Quần, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa từng tập hợp bàn dân thiên hạ để "được" họ chất vấn, khảo nghiệm thử tài của ông. "Người tuổi Mùi" đã giải đáp rành rọt những câu "khảo hạch" giữa đám đông và an nhiên làm quan đến Hình bộ Thượng thư.

Trước Trịnh Tuệ, có 46 vị trạng nguyên khác (sau ông không có danh hiệu Trạng nguyên nữa). Cũng có Trạng tuổi Quý Mùi nữa là Nguyễn Quang Bật sinh năm 1463 , người làng Bình Ngô, huyện Gia Định nay là huyện Gia Lương (Hà Bắc), đỗ trạng nguyên thời Lê lúc mới 21 tuổi. Trong 47 trạng có nhiều trạng đỗ đạt vào các khoa thi năm Mùi. Xa nhất là khoa Tân Mùi (1247) cách đây đã 756 năm, tức đã 63 lần xoay vòng "mười hai con giáp", người đỗ khoa ấy là một ông trạng mới 13 tuổi: Nguyễn Hiền. ấy là năm Mùi khá đặc biệt trong khoa cử nước ta vì những vị đỗ đầu rất trẻ, như Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn năm 18 tuổi, kế đó Thám hoa Đặng Ma La mới 14 tuổi. Riêng Trạng Hiền đỗ ở tuổi 13 , nhà vua ngạc nhiên trước sức học của Trạng mới hỏi học ở đâu. Trạng đáp: "Tâu, không học ở ai cả, thần học chính mình. Lâu lâu hỏi han các vị tăng ở phủ Thiên Trường và quê nhà Dương A của thần". Vua trách Trạng ăn nói thiếu lễ, lại thấy còn nhỏ nên cho về quê, không chịu dùng.

Ngày kia sứ Tàu sang mang ra một con ốc xoắn nhờ xâu một sợi chỉ đi qua ruột nó, xâu được thì mới chịu vào thành. Vua sai một viên quan về quê của Trạng Hiền và tìm ông trong đám trẻ chăn trâu để thuật lại đòi hỏi của sứ Tàu, Trạng không đáp ngay, mà quay về phía chúng bạn cất tiếng hát: Tích tịch tang, tích tịch tang. Bắt con kiến cang nuộc chỉ ngay lưng. Bên thì lấy giấy mà bưng. Bên thì bôi mỡ kiến mừng kiến sang. Tích tịch tang, tích tịch tang. Nghe thế, viên quan hiểu cách "xâu chỉ qua ruột ốc" của Trạng, về tâu Vua làm theo.

Đỗ trạng các năm Mùi còn có: Vũ Tuấn Chiêu (khoa Ất Mùi 1475), Đỗ Lý Khiêm (khoa Kỷ Mùi 1499), Nguyễn Đức Lượng (khoa Tân Mùi 1511), Hoàng Văn Tán (khoa Quý Mùi 1523), Dương Phúc Tự khoa Đinh Mùi (1547). Để lại nhiều giai thoại, sấm ký nhất là Nguyễn Bình Khiêm đỗ Trạng nguyên khoa Ất Mùi 1535. Tương truyền cụ có câu tiên tri liên quan tới "dê" ứng với thời điểm xảy ra đại chiến thế giới lần thứ hai ở thế kỷ 20: "Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh. Can qua xứ sở khổ đao binh. Mã đề dương cước anh hùng tận. Thân đậu niên lai kiến thái bình." Cho 4 chữ 'long vĩ xà đầu' (đuôi rồng đầu rắn) chỉ cuối năm Rồng (Canh Thìn 1940) và đầu năm Rắn (Tân Ty 1941) là thời điểm cuộc Đệ nhị thế chiến nổ lớn và lan rộng. Câu thứ ba "mã đề dương cước (móng dê, chân ngựa) chỉ cuối năm Ngựa (tức năm Ngọ 1943) đến cuối năm (1944) : Hitler núng thế và sĩ quan binh lính hai bên tử trận nhiều, sang tới đầu năm Dậu 1 945 mới kết thúc chiến tranh, tức "kiến thái bình". Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm còn viết những câu ám chỉ triều Nguyễn (Gia Long) "tin dê lại mắc phải mối đàn dê" tức nhờ Bá Đa Lộc cầu viện nước Pháp rồi sau bị người Pháp tấn công, ở đây "tin dê" tức "tin dương": người Tây dương (Pháp). Cũng có một số nhà nghiên cứu như Nguyễn Viết Lâm cho rằng: "Thời Nguyễn Bình Khiêm chưa có thể thơ lục bát và song thất lục bát, cho nên chúng ta có thể khẳng định rằng những câu sấm truyền viết bằng thể lục bát hoặc song thất lục bát không thể là của Nguyễn Bình Khiêm".

Ngoài những ông trạng thực sự có sưu tầm bằng vàng, đỗ đạt có năm tháng, có quê quán ghi rõ trong phần Khoa mục chí của sử sách các đời - đặc biệt ở nước ta còn có các trạng không thuộc "đệ nhất giáp"

hoặc "đệ nhất danh" ở kỳ thi Đình nhưng được dân gian phong và ghi nhớ qua các cổ tích thể sự. Mặc dù ngay tên gọi các trạng "ngoài vòng cương tỏa" này đọc lên cũng đã khác người, khó tin, song không dễ bãi bỏ, bài bác hoặc phủ nhận những giai thoại về họ như các truyện Trạng ăn, Trạng Vật, Trạng Cờ, Trạng Gầu. Các trạng đi vào truyện dân gian này lắm khi là những nhân vật có thực được tô đậm và thêm thắt theo những tình cảm hoặc trí tưởng tượng để thành Trạng Quét, Trạng Tư Thiên. Phổ biến khá rộng rãi có truyện Trạng Quỳnh, Trạng Cháy, Trạng Lợn, Trạng Bờ Ao (Tả Ao), ta còn nghe nói tới: Trạng Gióng, Trạng Khiếu. Nhiều thế nên các nhà nghiên cứu từng gọi truyện trạng nước ta là cả một kho tàng, như Giáo sư Vũ Ngọc Khánh: "Đi tìm tiểu sử, hành trạng, thơ văn của trên 50 vị trạng nguyên (cả chính thức và chưa chính thức), phải là một công việc lâu dài" và giáo sư đã viết cuốn Kho tàng về các ông trạng Việt Nam khá dày mà theo ông mới chỉ là "bước đầu", vì "mỗi ông Trạng có thể là đầu đề cho một cuốn sách nghiêm túc dày dặn", vì vậy bài viết nhỏ này cũng chỉ nhớ một chữ Trạng giữa ngày xuân là quý lắm rồi.

Nhân năm Mùi, con dê, để kết thúc xin nhắc tới một ông trạng đỗ năm Quý Mùi 1463, đó là Trạng nguyên Lương Thế Vinh nổi tiếng thần đồng từ nhỏ và được gọi . bằng tên quen thuộc là Trạng Lường (rất giỏi đo lường, tính toán) sau đây. Có viên quan huyện hống hách nọ thường bắt người dọc đường khiêng cáng cho mình, một hôm y gặp Lương Thế Vinh liền sai ông trạng kê vai vào cáng, khiêng đi. Trạng Lường cứ một mực khúm núm làm theo, đến một vũng nước, trạng giả vờ trượt chân ngã hất hất ta xuống bùn, lấm lem quần áo mình mẩy. Xong, trạng mới quát to với người đi đường: Này, sao lại đứng trôn ra đó, chạy mau về mà kêu học trò của ta là thằng Thám hoa Văn Cát ra đây để khiêng vồng cho quan huyện gấp.

Viên quan nghe biết này giờ người bị mình sai khiêng cáng chính là thầy của vị thám hoa, liền tức khắc quỳ xuống sụp lạy xin tha... Ngày xuân, truyện trạng còn nhiều...